

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 6/5/2018 Thời gian: Sáng 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS. Phú Thọ

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 2

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 01 -A6-102

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 2
1	00225	151C080001	Lê Thị Vân Anh	21/02/1996	1513C08A	x
2	00226	151C080002	Ngô Phương Anh	08/09/1997	1513C08A	x
3	00227	151C090002	Nguyễn Thị Kim Anh	20/08/1997	1513C09A	x
4	00228	151C080003	Phạm Thị Ngọc Anh	16/12/1997	1513C08A	x
5	00229	151C080004	Trần Thị Ngọc ánh	28/11/1997	1513C08A	x
6	00230	151C090004	Phạm Thị Huyền Chang	16/06/1997	1513C09A	x
7	00231	151C080005	Vũ Thị Duyên	24/08/1997	1513C08A	x
8	00232	151C090006	Trần Thùy Dung	25/10/1997	1513C09A	x
9	00233	151C080006	Đỗ Thùy Dương	05/02/1997	1513C08A	x
10	00234	151C090008	Nguyễn Minh Đức	21/09/1996	1513C09A	x
11	00235	151C090009	Trần Thị Thu Giang	23/12/1996	1513C09A	x
12	00236	151C090010	Trương Thị Hương Giang	29/10/1997	1513C09A	x
13	00237	151C090011	Vũ Lê Giang	06/03/1997	1513C09A	x
14	00238	151C080007	Lương Thị Thu Hà	22/05/1997	1513C08A	x
15	00239	151C080008	Nguyễn Thị Hà	24/06/1997	1513C08A	x
16	00240	151C080009	Nguyễn Thị Thanh Hà	27/01/1997	1513C08A	x
17	00241	151C080010	Nguyễn Thị Thu Hà	07/02/1997	1513C08A	x
18	00242	151C080011	Nguyễn Thị Hạnh	26/03/1997	1513C08A	x
19	00243	151C080012	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/06/1997	1513C08A	x
20	00244	151C080013	Phan Thị Thu Hằng	02/04/1997	1513C08A	x
21	00245	151C080014	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/08/1997	1513C08A	x
22	00246	151c090012	Đặng Thị ánh Hoa	07/08/1997	1513C09A	x
23	00247	151C080016	Nguyễn Thị Phương Hoa	15/09/1997	1513C08A	x
24	00248	151C090014	Đào Thị Thanh Hòa	01/07/1997	1513C09A	x
25	00249	141C090014	Nguyễn Văn Hòa	23/06/1995	1412C09A	x
26	00250	151C090015	Nguyễn Thúy Hoài	20/11/1997	1513C09A	x
27	00251	151C090016	Hoàng Thị Hoàn	08/02/1997	1513C09A	x

Ấn định danh sách 27 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 6/5/2018 Thời gian: Sáng 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS. Phú Thọ

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 2

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 02 - A6-103

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 2
1	00252	151C090017	Nguyễn Hồng Huế	19/06/1997	1513C09A	x
2	00253	151C080017	Bùi Thanh Huyền	21/08/1997	1513C08A	x
3	00254	151C080018	Chu Thị Thanh Huyền	01/08/1997	1513C08A	x
4	00255	151C080019	Hán Thị Huyền	23/09/1997	1513C08A	x
5	00256	151C080020	Lưu Thị Ngọc Huyền	10/10/1997	1513C08A	x
6	00257	151C090018	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/09/1997	1513C09A	x
7	00258	151C090019	Nguyễn Thị Thanh Huyền	04/10/1997	1513C09A	x
8	00259	151C080021	Nguyễn Thu Huyền	13/10/1997	1513C08A	x
9	00260	151C080022	Hà Thị Thu Hương	02/12/1995	1513C08A	x
10	00261	151C080023	Nguyễn Thu Hương	16/09/1996	1513C08A	x
11	00262	151C090020	Tô Lan Hương	04/10/1997	1513C09A	x
12	00263	151C080024	Cao Thị Thúy Hường	01/05/1997	1513C08A	x
13	00264	151C090021	Cù Thị Hường	09/09/1997	1513C09A	x
14	00265	151C090022	Đào Thị Hường	21/06/1997	1513C09A	x
15	00266	151C080025	Nguyễn Thị Thu Hường	11/02/1997	1513C08A	x
16	00267	151C090023	Lê Trung Kiên	11/10/1997	1513C09A	x
17	00268	151C080026	Hoàng Thị Hương Lan	23/04/1997	1513C08A	x
18	00269	151C080027	Nguyễn Thị Thanh Lan	21/10/1997	1513C08A	x
19	00270	151C080028	Phùng Thị Mai Lan	06/10/1997	1513C08A	x
20	00271	151C080029	Trần Thị Nhật Lệ	09/02/1997	1513C08A	x
21	00272	151C080030	Lê Thị Liễu	07/06/1997	1513C08A	x
22	00273	151C080031	Trần Thị Liễu	18/09/1997	1513C08A	x
23	00274	141C090021	Bùi Thúy Linh	16/03/1996	1412C09A	x
24	00275	151C080032	Cao Thùy Linh	02/03/1997	1513C08A	x
25	00276	151C080033	Lê Hoài Linh	10/03/1997	1513C08A	x
26	00277	151C080034	Ma Thị Khánh Linh	24/08/1997	1513C08A	x
27	00278	151C080035	Nguyễn Hải Linh	11/05/1997	1513C08A	x
28	00279	151C080036	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/05/1997	1513C08A	x

Ấn định danh sách 28 sinh viên.

Ngày thi: 6/5/2018 Thời gian: Sáng 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS. Phú Thọ

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 2

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 03 -A6-104

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 2
1	00280	141C090022	Nguyễn Thị Thúy Linh	07/06/1996	1412C09A	x
2	00281	151C090025	Nguyễn Thùy Linh	10/08/1997	1513C09A	x
3	00282	151C080037	Lê Thị Luận	20/05/1996	1513C08A	x
4	00283	151C090026	Đào Đình Luyện	08/02/1997	1513C09A	x
5	00284	151C080038	Cù Thị Tuyết Mai	15/11/1996	1513C08A	x
6	00285	151C080040	Đàm Thị Bình Minh	02/07/1997	1513C08A	x
7	00286	141C090026	Nguyễn Hoàng Nam	11/11/1996	1412C09A	x
8	00287	151C090028	Chu Thị Hằng Nga	24/03/1997	1513C09A	x
9	00288	151C080041	Lê Quỳnh Nga	18/05/1996	1513C08A	x
10	00289	151C090029	Trần Thị Kiều Nga	09/04/1997	1513C09A	x
11	00290	151C090030	Nguyễn Thị Kiều Ngân	16/10/1997	1513C09A	x
12	00291	151C080042	Phạm Hà Ngân	13/11/1997	1513C08A	x
13	00292	141C010008	Lê Đức Ngọc	24/08/1996	1412C01A	x
14	00293	151C080043	Trương Thị Như Nguyên	23/11/1997	1513C08A	x
15	00294	151C080044	Đỗ Hồng Nhung	15/01/1997	1513C08A	x
16	00295	151C080045	Nguyễn Hồng Nhung	20/06/1997	1513C08A	x
17	00296	151C080046	Phạm Thị Tuyết Nhung	08/05/1997	1513C08A	x
18	00297	151C080047	Tạ Phương Nhung	11/11/1997	1513C08A	x
19	00298	151C090032	Hà Thị Như	07/01/1997	1513C09A	x
20	00299	151C080048	Đinh Thị Kiều Oanh	26/02/1997	1513C08A	x
21	00300	151C080049	Đỗ Ngọc Thu Oanh	12/11/1997	1513C08A	x
22	00301	151C080051	Hà Thị Kim Oanh	17/07/1997	1513C08A	x
23	00302	151C090033	Trần Văn Phụng	16/06/1997	1513C09A	x
24	00303	151C090034	Đỗ Thị Minh Phương	26/05/1997	1513C09A	x
25	00304	151C090035	Nguyễn Thị Lê Phương	19/02/1997	1513C09A	x
26	00305	151C080052	Nguyễn Thu Phương	19/01/1997	1513C08A	x
27	00306	151C090036	Phạm Thị Thu Phương	13/07/1997	1513C09A	x

Ấn định danh sách 27 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 6/5/2018 Thời gian: Sáng 7h30 Thi: Nghe, Đọc, Viết - CS.Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh-Bậc 2

Chiều: 13h00 Thi: Nói

Phòng thi: 04 - A6-105

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 2
1	00307	151C080053	Phạm Thị Quế Phượng	12/08/1997	1513C08A	x
2	00308	151C090037	Hoàng Thị Như Quỳnh	26/06/1997	1513C09A	x
3	00309	151C080055	Nguyễn Hương Quỳnh	10/11/1997	1513C08A	x
4	00310	151C080056	Đặng Hồng Thanh	25/10/1997	1513C08A	x
5	00311	151C080076	Đỗ Hồng Thanh	15/02/1997	1513C08A	x
6	00312	151C080057	Trần Thị Thu Thanh	09/07/1997	1513C08A	x
7	00313	151C080059	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/11/1997	1513C08A	x
8	00314	151C090039	Phạm Thị Phương Thảo	07/04/1997	1513C09A	x
9	00315	151C080060	Phan Thị Thảo	20/04/1997	1513C08A	x
10	00316	151C080061	Trần Thị Phương Thảo	07/09/1997	1513C08A	x
11	00317	151C080063	Nguyễn Thị Thắm	23/11/1997	1513C08A	x
12	00318	151C080064	Nguyễn Thị Hương Thắm	09/10/1997	1513C08A	x
13	00319	151C090040	Vũ Thị Mai Thi	21/07/1997	1513C09A	x
14	00320	151C080065	Hoàng Thị Diệu Thu	13/12/1997	1513C08A	x
15	00321	151C080066	Lương Thị Kim Thu	14/06/1997	1513C08A	x
16	00322	151C090041	Đỗ Thị Thủy	17/02/1997	1513C09A	x
17	00323	151C090042	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/12/1996	1513C09A	x
18	00324	151C080068	Nguyễn Thị Thanh Tiến	21/01/1996	1513C08A	x
19	00325	151C080069	Nguyễn Thị Tĩnh	08/10/1997	1513C08A	x
20	00326	151C090044	Dương Thị Thu Trang	26/10/1996	1513C09A	x
21	00327	151C080070	Đỗ Thị Hà Trang	22/09/1997	1513C08A	x
22	00328	151c090045	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/08.1997	1513C09A	x
23	00329	151C090046	Nhâm Thị Thu Trang	12/11/1997	1513C09A	x
24	00330	151C090047	Vi Thị Thu Uyên	01/09/1997	1513C09A	x
25	00331	151C090048	Hoàng Thị Thu Vân	08/02/1997	1513C09A	x
26	00332	151C090049	Trần Thị Vân	30/03/1997	1513C09A	x
27	00333	151C090051	Lê Thị Hoàng Yến	05/09/1997	1513C09A	x
28	00334	151C090052	Nguyễn Hải Yến	18/03/1997	1513C09A	x

Ấn định danh sách 28 sinh viên.

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM HỌC 2017-2018

Ngày thi: 6/5/2018 Thời gian: Sáng 7h30 Thi: Nói - CS. Việt Trì

Môn thi: Tiếng Anh Bậc 2

Chiều: 13h00 Thi: Nghe, Đọc, Viết

Phòng thi: 09 - N433

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Tiếng Anh Bậc 2
1	00200	145D110001	Nguyễn Thị Phương Anh	11/11/1996	Phú Thọ	x
2	00201	145D500001	Đỗ Khánh Chi	02/07/1996	CH Liên Bang Đức	x
3	00202	145D110003	Trần Thị Nho Chinh	11/06/1996	Vĩnh Phú	x
4	00203	145D500002	Lê Thị Dung	30/12/1996	Vĩnh Phú	x
5	00204	145D510001	Hà Đại Dương	31/03/1996	Vĩnh Phú	x
6	00205	135D510002	Phan Văn Đạt	29/01/1995	Vĩnh Phú	x
7	00206	145D500003	Dương Tuấn Hải	10/01/1996	Vĩnh Phú	x
8	00207	145D110007	Nguyễn Thị Thanh Hân	07/01/1996	Phú Thọ	x
9	00208	145D500005	Lê Phương Hòa	05/10/1996	Vĩnh Phú	x
10	00209	145D500006	Trần Thị ánh Hồng	02/11/1996	Phú Thọ	x
11	00210	135D510007	Đỗ Trung Kiên	12/02/1994	Tuyên Quang	x
12	00211	145D500008	Mai Thùy Linh	16/11/1996	Vĩnh Phú	x
13	00212	145D110008	Nguyễn Thị Bích Loan	05/04/1996	Vĩnh Phú	x
14	00213	145D500009	Phùng Thị Ngọc Lý	08/09/1996	Vĩnh Phú	x
15	00214	145D110009	Phùng Thị Mai	20/03/1995	Vĩnh Phú	x
16	00215	145D500011	Hán Thị Thu Nga	21/07/1996	Vĩnh Phú	x
17	00216	145D500012	Ngô Thị Quỳnh Nga	14/05/1996	Vĩnh Phú	x
18	00217	145D110011	Nguyễn Thị Huyền Nga	08/03/1996	Phú Thọ	x
19	00218	145D510002	Trần Chung Nghĩa	19/09/1996	Phú Thọ	x
20	00219	145D510003	Nguyễn Văn Ngọc	12/01/1996	Vĩnh Phú	x
21	00220	145D500013	Nguyễn Bá Quang	12/12/1996	Phú Thọ	x
22	00221	145D110013	Phạm Trung Thành	12/11/1996	Phú Thọ	x
23	00222	145D110014	Đinh Thị Thanh Thương	25/06/1996	Vĩnh Phú	x
24	00223	145D510004	Nguyễn Ngọc Tới	19/06/1996	Vĩnh Phú	x
25	00224	145D110015	Bùi Thị Thu Trang	02/08/1996	Tuyên Quang	x

Ấn đính danh sách có 25 thí sinh

Ngày thi: 6/5/2018

Môn thi: UDCNTT Cơ Bản

Thời gian: 13h00 - CS. Phú Thọ

Phòng thi: 01-A8-04

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	UDCNTTCB
1	00030	16DCTA1504	Phạm Thị Cúc	27/09/1975	K14-DLCTAA1	x
2	00031	16DCTA1505	Đoàn Thị Thùy Dung	04/01/1993	K14-DLCTAA1	x
3	00032	16DCTA1511	Đặng Thị Hà	07/10/1980	K14-DLCTAA1	x
4	00033	145D700005	Nguyễn Ngọc Hải	23/11/1996	1412D70A	x
5	00034	16DCTA1514	Nguyễn Thị Bích Hằng	12/09/1978	K14-DLCTAA1	x
6	00035	16DCTA1515	Dương Thế Hòa	14/10/1977	K14-DLCTAA1	x
7	00036	16DCTA1517	Hoàng Diệu Huyền	12/09/1980	K14-DLCTAA1	x
8	00037	155D24LT16	Đinh Thị Thúy Kiều	08/04/1979	1513D24T	x
9	00038	145D700014	Sái Việt Nghiêm	25/10/1996	1412D70A	x
10	00039	16DCTA1526	Bùi Thị Nhị	11/04/1988	K14-DLCTAA1	x
11	00040	16DCTA1527	Nguyễn Thị Hồng Phú	25/08/1986	K14-DLCTAA1	x
12	00041	16DCTA1533	Lương Thị Bích Thảo	19/11/1979	K14-DLCTAA1	x
13	00042	16DCTA1535	Nguyễn Phương Thu	14/09/1992	K14-DLCTAA1	x
14	00043	16DCTA1537	Nguyễn Thị Thúy	16/08/1976	K14-DLCTAA1	x
15	00044	16DCTA1539	Phan Thị Thúy	05/07/1981	K14-DLCTAA1	x
16	00045	16DCTA1541	Tô Thị Thu Trang	26/04/1991	K14-DLCTAA1	x
17	00046	145D700018	Viết Xuân Trọng	16/08/1995	1412D70A	x
18	00047	155D24LT34	Vũ Thị Tươi	13/02/1983	1513D24T	x
19	00048	16DCTA1543	Nguyễn Thị Vân	07/10/1991	K14-DLCTAA1	x
20	00049	16DCTA1545	Đỗ Đình Yên	15/04/1994	K14-DLCTAA1	x
21	00050	16DCTA1547	Hà Thị Yến	22/02/1990	K14-DLCTAA1	x

Ấn định danh sách 21 sinh viên.